

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2023/HC-PT

Ngày 07 - 9 - 2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**

 ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2991/2023/QĐPT-HC ngày 21/8/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Ngô Thị L**; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà L:

+ Ông **Nguyễn Đức D**; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông **Nguyễn Khánh L1**; địa chỉ: F N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Cùng địa chỉ: thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Phan Hoàng L2 -
Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị D1. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị L3. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngày 21/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 4186/QĐ-UBND về việc thu hồi 119,2 m² đất của hộ bà Ngô Thị L để thực hiện dự án đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K. Cùng ngày UBND huyện K ban hành Quyết định số 4196/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 4196) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, chi phí thẩm tra, phê duyệt, quyết toán khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, trong đó có hộ bà Ngô Thị L được bồi thường, hỗ trợ 181.159.056 đồng (gồm bồi thường về đất 100%, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tài sản trên đất, hỗ trợ khác gồm di chuyển chỗ ở, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, tái định cư). Không đồng ý với quyết định bồi thường, bà L đã khiếu nại và được UBND huyện K trả lời tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 (sau đây viết tắt là Quyết định số 161), nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Người khởi kiện bà Ngô Thị L: không đồng ý với Quyết định số 161 và số 4196 nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 161 và một phần Quyết định số 4196; buộc Ủy ban phải xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: Thửa đất của bà L trước đây được UBND xã C giao cho bà Nguyễn Thị N để tái định cư, di chuyển dân ra khỏi rừng thông phòng hộ Quốc lộ 14 vào năm 2004, sau đó bà N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N1, đến năm 2015 ông N1 chuyển nhượng cho bà L. Thửa đất này được Hội đồng đăng ký đất đai xã C xác nhận nguồn gốc ổn định từ năm 2000 đến nay, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Bà L đã kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa cấp là lỗi của các cơ quan. Thửa đất này đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở nên phải được bồi thường theo giá đất ở nông thôn. Tuy nhiên, Quyết định số 4196 chỉ bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng.

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất: Thửa đất của bà L có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận nên tài sản trên đất phải được bồi thường 100%. Tuy nhiên, Quyết định số 4196 chỉ hỗ trợ 30% là không đúng.

- Các khoản đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ di chuyển chỗ ở và tái định cư chưa đầy đủ, chưa phù hợp.

Người khởi kiện UBND huyện K và *Chủ tịch* UBND huyện K *trình bày*: Quyết định số 4196 của UBND huyện K và Quyết định số 161 của Chủ tịch UBND huyện K được ban hành đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ:

+ Bồi thường, hỗ trợ về đất: Thửa đất của bà L có nguồn gốc của Ban Q bị thu hồi giao cho UBND huyện K quản lý vào năm 2004. Thửa đất của bà L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất trồng cây lâu năm, nằm ở vị trí A, bản số 3 thôn N, xã C, hệ số điều chỉnh 9,11 lần nên có giá 38.000 đồng/m². Quyết định số 4196 đã áp giá đúng quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ.

+ Về công trình, tài sản trên đất: Bà L xây dựng công trình trên đất trồng cây lâu năm khi chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên chỉ được hỗ trợ bằng 30% theo giá xây dựng mới là phù hợp với khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 27).

+ Các khoản hỗ trợ khác:

Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất: Hộ bà L thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ 24 tháng với mức 30 kg gạo tẻ thường / tháng cho 03 khẩu với giá 13.153 đồng. Quyết định số 4196 đã hỗ trợ 28.410.480 đồng là phù hợp với điểm b, c khoản 1 Điều 17 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 39).

Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hộ gia đình bà L đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất thu hồi nên được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần mức giá đất nông nghiệp (9.059.200 đồng) là phù hợp Điều 18 Quyết định số 39.

Hỗ trợ di chuyển: Bà L phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ 7.000.000 đồng là phù hợp Điều 1 Quyết định số 27.

+ Tái định cư: Bà L được bố trí tái định cư tại thôn F, xã C, huyện K.

Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận khởi kiện của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 29/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 64, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 33 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Áp dụng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quyết định sửa đổi, bổ bổ sung một số quy định có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K;

+ Hủy một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với bà Ngô Thị L;

+ Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, di chuyển chỗ ở cho bà Ngô Thị L theo đúng quy định của pháp luật.”

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Ngô Thị L là ông Nguyễn Đức D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện là bà Ngô Thị L vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Đức D và ông

Nguyễn Khánh L1 đều xin xét xử vắng mặt; ông D có văn bản thể hiện quan điểm giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ; kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ; chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đợt 2), trong đó có hộ bà Ngô Thị L và Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 06/12/2022, bà Ngô Thị L có đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[4] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

[4.1] Ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 4186/QĐ-UBND để thu hồi 119,2m² đất của hộ bà Ngô Thị L để thực hiện dự án đường giao thông trục chính trung tâm N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đợt II).

Căn cứ vào việc thu hồi đất, Biên bản kiểm kê tài sản, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 4196/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013, Điều 3, 9, 11, 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Sau khi bà L có đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số số 161/QĐ-

UBND ngày 10/02/2022 để giải quyết khiếu nại là đúng quy định của Luật khiếu nại.

[5] Xét yêu cầu được bồi thường đất theo giá đất ở:

[5.1] Nguồn gốc thửa đất 119,2m² thì do bà Ngô Thị L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn N1 từ năm 2015, trước đó, ông N1 nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị N vào năm 2000. Bà L cho rằng vì thửa đất 119,2m² này là do Ủy ban nhân dân xã C giao đất tái định cư cho bà N nên bà phải được bồi thường theo loại đất ở, Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm là không đúng.

[5.2] Theo Văn bản số 777/UBND-TNMT ngày 12/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện K cho biết:

“Tại vị trí đất được bố trí cho bà Nguyễn Thị N năm 2003 nay là thửa đất số 100, tờ bản đồ địa chính 40, diện tích 217,7m² được đo đạc năm 2010, sổ mục kê có tên bà Nguyễn Thị N. Thửa đất chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có tên trong sổ địa chính.

Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 40, diện tích 115,6m² được đo đạc năm 2010, sổ mục kê có tên ông Nguyễn Văn N1 (thửa đất này ông N1 bán cho bà Ngô Thị L) và theo vị trí đất thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông trục chính trung tâm N huyện K là thửa đất số 15, mảnh trích đo số 04 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ lập ngày 31/7/2019. Thửa đất chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có tên trong sổ địa chính.

...Do đó, thửa đất số 15, mảnh trích đo số 04 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ lập ngày 31/7/2019 của bà Ngô Thị L không phải là thửa đất bà Nguyễn Thị N được UBND xã C bố trí năm 2003”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thửa đất của bà L thuộc thửa đất Ủy ban nhân dân xã Chư Kbo giao đất tái định cư cho bà Nguyễn Thị N.

[5.3] Như vậy, thửa đất có diện tích 119,2m² không có nguồn gốc từ việc giao đất tái định cư, quá trình sử dụng bà L cũng không làm thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nên Ủy ban nhân dân huyện K bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo loại đất trồng cây lâu năm là đúng quy định Điều 75, 77 Luật đất đai 2013 và Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[6] tại khoản 4 Điều 9 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh quy định:

“4. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c Khoản này thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

- *Xây dựng gắn liền với đất đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.*

- *Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng trước từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.”*

Do bà Ngô Thị L xây dựng nhà trên đất trồng cây lâu năm, khi xây dựng không xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thời điểm xây dựng là năm 2017 nên Ủy ban nhân dân huyện K đã hỗ trợ cho bà Ngô Thị L với mức 30% là đúng quy định pháp luật.

[7] Với những phân tích ở trên thì Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Ngô Thị L là đúng quy định pháp luật.

[8] Do Quyết định số 4196/QĐ-UBND là đúng pháp luật nên tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-UBND ngày 10/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K tiếp tục không chấp nhận khiếu nại của bà Ngô Thị L là có căn cứ.

[9] Về án phí: kháng cáo của bà Ngô Thị L không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 64, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 33 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Áp dụng Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với các yêu cầu:

+ Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 161/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K;

+ Huỷ một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với bà Ngô Thị L;

+ Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, di chuyển chỗ ở cho bà Ngô Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, bà Ngô Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số 0003784 ngày 12/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)_

Đinh Phước Hòa